

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 29/2010/QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 09 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc lập và quản lý chi phí đầu tư
xây dựng công trình, chi phí lập quy hoạch xây dựng
và chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 31 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ Xây dựng ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng ban hành định mức chi phí quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Khánh Hòa tại Tờ trình số 2198/TTr-SXD ngày 26 tháng 8 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, chi phí lập quy hoạch xây dựng và chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, chi phí lập quy hoạch xây dựng và chi phí dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Cam Ranh, thành phố Nha Trang và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình,
chi phí lập quy hoạch xây dựng và chi phí dịch vụ công ích đô thị
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này hướng dẫn việc lập và quản lý các loại chi phí sau trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

a) Chi phí đầu tư xây dựng công trình bao gồm: Tổng mức đầu tư xây dựng công trình, dự toán xây dựng công trình, định mức xây dựng và giá xây dựng công trình của các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên (bao gồm vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương, kể cả vốn từ các nguồn thu để lại, quỹ phát triển sự nghiệp, vốn quỹ phát triển sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập; vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); vốn tín dụng đầu tư phát triển thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương; vốn tín dụng do địa phương bảo lãnh và vốn đầu tư khác của địa phương);

b) Chi phí lập quy hoạch xây dựng đối với các loại quy hoạch xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

c) Chi phí dịch vụ công ích đô thị đối với các loại dịch vụ công ích đô thị sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn ODA, nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình khác với những nội dung của Quy định này thì thực hiện theo các quy định tại Điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập và quản lý: chi phí đầu tư xây dựng công trình các dự án đầu tư; chi phí lập quy hoạch xây dựng; chi phí dịch vụ công ích đô thị thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Quy định này.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của các dự án sử dụng ít hơn 30% vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa áp dụng Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (Thông tư số 04/2010/TT-BXD) và Quy định này.

Chương II**LẬP VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH****A. LẬP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH****Điều 3. Nội dung và phương pháp xác định tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình**

1. Nội dung tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình.

1.1. Nội dung tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điều 4 Chương II Thông tư số 04/2010/TT-BXD;

1.2. Đối với trường hợp chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, tổng mức đầu tư đồng thời là dự toán xây dựng công trình. Nội dung dự toán xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này.

2. Phương pháp lập tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình

2.1. Tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình được tính toán và xác định trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

Tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình được tính theo công thức 1.1 phụ lục số 1 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

2.2. Tổng mức đầu tư được xác định theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp xác định theo thiết kế cơ sở của dự án (hướng dẫn tại mục 1, phụ lục số 1 Thông tư số 04/2010/TT-BXD);

- Phương pháp xác định theo diện tích hoặc công suất sản xuất, năng lực phục vụ của công trình và giá xây dựng tổng hợp, suất vốn đầu tư xây dựng công trình (hướng dẫn tại mục 2 phụ lục số 1 Thông tư số 04/2010/TT-BXD);

- Phương pháp xác định theo số liệu của các công trình xây dựng có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương tự đã thực hiện (hướng dẫn tại mục 3, phụ lục số 1 Thông tư số 04/2010/TT-BXD);

- Phương pháp kết hợp để xác định tổng mức đầu tư (hướng dẫn tại mục 4, phụ lục số 1 Thông tư số 04/2010/TT-BXD).

3. Tùy theo tính chất, loại công trình xây dựng, chủ đầu tư, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm lựa chọn phương pháp xác định tổng mức đầu tư phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của dự án để tính toán hiệu quả đầu tư xây dựng công trình. Trong đó, quy định một số nội dung cụ thể như sau:

3.1 Trường hợp xác định tổng mức đầu tư bằng phương pháp tính theo diện tích hoặc công suất sản xuất, năng lực phục vụ của công trình thì có thể sử dụng chỉ tiêu suất chi phí xây dựng (S_{XD}) và suất chi phí thiết bị (S_{TB}) hoặc giá xây dựng tổng hợp để tính chi phí đầu tư xây dựng cho từng công trình thuộc dự án (S_{XD} và S_{TB} áp dụng theo công bố của Bộ Xây dựng, hoặc căn cứ vào suất chi phí xây dựng, suất chi phí thiết bị của công trình cùng loại có quy mô tương tự). Tổng mức đầu tư được xác định theo công thức 1.1 phụ lục số 1 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

3.2. Xác định chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ($G_{BT, TĐC}$) bao gồm: Chi phí bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng trên đất và các chi phí bồi thường khác; các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; chi phí thực hiện tái định cư có liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án; chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí sử dụng đất trong thời gian xây dựng; chi phí chi trả cho phần hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư.

Việc xác định chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo hướng dẫn tại khoản 1.3 mục 1 phụ lục số 1, Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

3.3. Xác định chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác của dự án.

Tổng các chi phí như: Chi phí quản lý dự án (G_{QLDA}), chi phí tư vấn đầu

tư xây dựng (G_{TV}) và chi phí khác (G_K) (không bao gồm lãi vay trong thời gian thực hiện dự án và vốn lưu động ban đầu) có thể được ước tính từ 10÷15% của tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị của dự án. Trường hợp đối với các dự án có nhiều công trình thì chi phí lập báo cáo đầu tư, chi phí lập dự án đầu tư hoặc lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật phải được xác định cụ thể trong tổng mức đầu tư của báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật và áp dụng theo định mức tỷ lệ do Bộ Xây dựng công bố. Đồng thời, các chi phí thiết kế kỹ thuật đối với công trình thiết kế 3 bước hoặc chi phí thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thiết kế 2 bước phải được xác định sơ bộ trong tổng mức đầu tư của báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật và áp dụng theo định mức tỷ lệ do Bộ Xây dựng công bố.

Vốn lưu động ban đầu (V_{LD}) và lãi vay trong thời gian thực hiện dự án (L_{vay}) theo hướng dẫn tại khoản 1.4 mục 1 phụ lục số 1, Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

3.4. Xác định chi phí dự phòng của dự án.

3.4.1. Đối với dự án có thời gian thực hiện đến 2 năm: Chi phí dự phòng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

Chi phí dự phòng được tính theo công thức 1.5 phụ lục 1, Thông tư 04/2010/TT-BXD. Cụ thể như sau:

$$G_{DP} = (G_{XD} + G_{TB} + G_{BT, TĐC} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K) \times K_{DP} \quad (1)$$

Trong đó: K_{DP} là hệ số dự phòng, tính bằng 10%. Riêng đối với trường hợp chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật thì hệ số dự phòng là 5%.

3.4.2. Đối với các dự án có thời gian thực hiện trên 2 năm, chi phí dự phòng bao gồm 2 yếu tố: yếu tố khối lượng công việc phát sinh chưa lường trước được khi lập dự án đầu tư và yếu tố trượt giá trong thời gian thực hiện dự án, được xác định theo công thức 1.4 phụ lục 1, Thông tư số 04/2010/TT-BXD. Cụ thể như sau:

$$G_{DP} = G_{DP1} + G_{DP2} \quad (2)$$

Trong đó:

+ G_{DP1} : Chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh theo công thức 1.5 phụ lục 1 Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

+ GDP2: Chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá theo công thức 1.6 phụ lục 1 Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

Điều 4. Nội dung và phương pháp lập dự toán xây dựng công trình

1. Nội dung dự toán xây dựng công trình

Nội dung dự toán xây dựng công trình (sau đây gọi là dự toán công trình) được quy định tại Điều 6 Chương II Thông tư số 04/2010/TT-BXD;

2. Phương pháp lập dự toán xây dựng công trình (dự toán công trình)

Dự toán công trình được lập cho từng công trình, hạng mục công trình xây dựng, được xác định trên cơ sở thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công theo công thức 2.1 phụ lục 2, Thông tư số 04/2010/TT-BXD. Cụ thể như sau:

$$G_{XDCT} = G_{XD} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K + G_{DP} + G_{BT,TDG} \text{ (nếu có)} \quad (3)$$

Trong đó: $G_{BT,TDG}$: Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) trong trường hợp công trình chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

Các chi phí trong công thức (3) được xác định như sau:

2.1 Chi phí xây dựng (G_{XD}):

- Chi phí xây dựng trong dự toán công trình được lập cho công trình, hạng mục công trình, bộ phận, phần việc, công tác của công trình, hạng mục công trình đối với công trình chính, công trình phụ trợ, các công trình tạm phục vụ thi công, nhà tạm để ở và điều hành thi công.

Trường hợp chi phí xây dựng được tính cho từng bộ phận, phần việc, công tác của công trình, hạng mục công trình thì chi phí xây dựng trong dự toán công trình, hạng mục công trình là tổng cộng chi phí của từng bộ phận, phần việc, công tác nêu trên.

- Chi phí xây dựng được xác định bằng cách lập dự toán theo một trong các phương pháp sau:

+ Phương pháp tính theo khối lượng và giá xây dựng công trình (hướng dẫn tại mục 1, phụ lục số 3 Thông tư số 04/2010/TT-BXD);

+ Phương pháp tính theo khối lượng hao phí vật liệu, nhân công, máy thi công và bảng giá tương ứng (hướng dẫn tại mục 2, phụ lục số 3 Thông tư số 04/2010/TT-BXD);

+ Phương pháp xác định theo suất chi phí xây dựng trong suất vốn đầu tư (hướng dẫn tại mục 3, phụ lục số 3 Thông tư số 04/2010/TT-BXD);

+ Phương pháp xác định trên cơ sở công trình có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương tự đã và đang thực hiện (hướng dẫn tại mục 4, phụ lục số 3 Thông tư số 04/2010/TT-BXD);

Tư vấn lập dự toán công trình có trách nhiệm lựa chọn phương pháp phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của công trình và chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về tính hợp lý, chính xác của phương pháp lập dự toán công trình do mình lựa chọn. Chủ đầu tư căn cứ vào đặc điểm, tính chất và điều kiện cụ thể của công trình để quyết định phương pháp lập dự toán.

- Chi phí xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng và chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.

2.1.1. Chi phí trực tiếp

Chi phí trực tiếp bao gồm chi phí vật liệu (kể cả vật liệu do chủ đầu tư cấp), chi phí nhân công, chi phí máy thi công và chi phí trực tiếp khác.

- Chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công trong chi phí trực tiếp được xác định bằng phương pháp tính theo khối lượng và đơn giá xây dựng công trình hoặc giá xây dựng tổng hợp của công trình.

+ Khối lượng các công tác xây dựng được xác định từ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, nhiệm vụ công việc phải thực hiện của công trình, hạng mục công trình phù hợp với danh mục và nội dung công tác xây dựng trong đơn giá xây dựng công trình, giá xây dựng tổng hợp của công trình.

+ Đơn giá xây dựng công trình bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công và chi phí máy thi công được xác định theo các tập đơn giá xây dựng công trình, đơn giá sửa chữa công trình xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại từng thời điểm tương ứng và theo nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Quy định này.

+ Giá xây dựng tổng hợp của công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD. Phương pháp lập giá xây dựng tổng hợp của công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

- Chi phí trực tiếp khác được quy định tại điểm 3.1.1 khoản 3.1 Điều 6 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

Chi phí trực tiếp khác được tính bằng tỷ lệ từ 1,5% đến 6,5% trên tổng chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công tùy theo

đặc điểm, tính chất của từng loại công trình như hướng dẫn tại bảng 3.7, phụ lục số 3 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

2.1.2. Các khoản mục chi phí tính bằng định mức tỉ lệ phần trăm (%) trong dự toán chi phí xây dựng:

Chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng và chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công theo quy định tại các mục 1.1.2, 1.1.3, 1.1.4 và 1.1.5 khoản 1 Điều 7, Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

2.2. Chi phí thiết bị (G_{TB})

Nội dung chi phí thiết bị thực hiện như quy định tại mục 3.2 Điều 6 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD. Phương pháp xác định chi phí thiết bị trong dự toán công trình áp dụng theo hướng dẫn tại mục 2 Điều 7 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD. Công thức xác định chi phí thiết bị thực hiện theo quy định tại mục 2, phụ lục số 2 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

2.3. Chi phí quản lý dự án (G_{QLDA}), chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (G_{TV}), chi phí khác (G_K), chi phí dự phòng (G_{DP}) thực hiện như quy định tại các mục 3, 4, 5, 6 Điều 7 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD. Công thức xác định các khoản chi phí này thực hiện theo quy định tại các mục 3, 4, 5, 6 phụ lục số 2 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

Các định mức chi phí quản lý dự án và định mức chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do Bộ Xây dựng công bố và văn bản hướng dẫn áp dụng của Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ sở để xác định các khoản chi phí nêu trên đối với từng trường hợp cụ thể.

2.4. Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ($G_{BT, TĐC}$) theo quy định tại khoản 3.2 Điều 3 của Quy định này.

3. Đối với dự án có nhiều công trình, chủ đầu tư có thể xác định tổng dự toán của dự án để phục vụ cho việc quản lý chi phí dự án. Tổng dự toán của dự án được xác định bằng cách cộng dự toán của các công trình thuộc dự án và một số khoản mục chi phí thuộc chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác chưa tính trong dự toán công trình của dự án.

Bảng tổng hợp dự toán công trình, dự toán chi phí thiết bị lập như quy định tại các Bảng 3.1, Bảng 3.5 phụ lục số 3 của Quy định này.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng đơn giá xây dựng công trình

1. Giá vật liệu: Giá vật liệu trong các đơn giá là giá vật liệu gốc tính

theo mặt bằng giá tại thời điểm lập đơn giá (chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình). Khi lập dự toán chi phí xây dựng, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn phải xác định lại giá vật liệu tại thời điểm lập và tính toán bù trừ chênh lệch giá vật liệu so với giá vật liệu gốc trong đơn giá vào chi phí vật liệu trong dự toán chi phí xây dựng. Giá vật liệu tại thời điểm lập dự toán được xác định phù hợp với công trình, phải hợp lý, phù hợp với mặt bằng giá thị trường nơi xây dựng công trình và căn cứ công bố giá của liên Sở Tài chính - Xây dựng.

- Trường hợp liên Sở Tài chính - Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng chưa kịp thời hoặc chưa phù hợp với thực tế hoặc giá vật liệu xây dựng không có trong công bố giá vật liệu thì sử dụng báo giá của các nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp và phải đảm bảo tính cạnh tranh, đồng thời chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác; khi thực hiện thanh quyết toán phải có hóa đơn, chứng từ cụ thể. Giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng trong công bố giá của cơ quan có thẩm quyền chưa phù hợp với thực tế được hiểu là có sự chênh lệch lớn giữa giá cùng một loại nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng đó có trong công bố giá của cấp có thẩm quyền so với giá cả thực tế trên thị trường tại cùng một thời điểm và cùng một địa bàn.

- Trong trường hợp vật liệu chưa có trên thị trường hoặc các nhà thầu tự sản xuất vật liệu xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư thì giá vật liệu được lấy theo mức giá hợp lý với điều kiện đáp ứng được các yêu cầu đặt ra về chủng loại, chất lượng, số lượng, tiến độ cung ứng,... và đảm bảo tính cạnh tranh.

- Đối với những vật liệu không có trên thị trường nơi xây dựng công trình thì giá vật liệu này bằng giá vật liệu được công bố cộng chi phí vận chuyển đến công trình và các chi phí khác có liên quan.

- Khi lập dự toán chi phí xây dựng phải thực hiện kiểm tra về sự phù hợp giữa giá và chủng loại vật liệu sử dụng vào công trình theo thiết kế.

2. Giá nhân công: Giá nhân công trong các đơn giá là giá nhân công gốc để xây dựng đơn giá áp dụng chung. Đối với các loại công tác xây lắp của các công trình thuộc nhóm lương khác với nhóm lương quy định trong đơn giá hoặc các công trình xây dựng được hưởng thêm các khoản lương phụ, phụ cấp lương (thu hút, khu vực, độc hại, nguy hiểm) và các chế độ chính sách khác chưa tính trong đơn giá, hoặc được hưởng phụ cấp lưu động ở mức cao hơn mức đã tính trong đơn giá thì được bổ sung thêm các khoản này vào chi phí nhân công trong bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng.

- Việc điều chỉnh giá nhân công trong các đơn giá tại từng thời điểm để phù hợp với quy định của Chính phủ về điều chỉnh mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại từng thời điểm tương ứng.

- Quy định về các loại phụ cấp, đối tượng áp dụng thang lương 7 bậc ngành xây dựng cơ bản xem phụ lục số 1, phụ lục số 2 của Quy định này.

3. Giá máy thi công: Giá máy thi công trong các đơn giá là giá máy thi công gốc để xây dựng đơn giá áp dụng chung. Việc điều chỉnh giá máy thi công trong các đơn giá tại từng thời điểm để phù hợp với quy định của Chính phủ về điều chỉnh mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng và giá nhiên liệu, năng lượng thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại từng thời điểm tương ứng.

Điều 6. Phương pháp lập dự toán chi phí khảo sát xây dựng

Tùy theo tính chất, điều kiện cụ thể của công trình, dự án, chủ đầu tư có thể lập dự toán chi phí khảo sát xây dựng bằng các phương pháp khác nhau như: xác định trên cơ sở khối lượng và đơn giá khảo sát xây dựng; vận dụng số liệu chi phí khảo sát đã thực hiện của các công trình có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện công tác khảo sát xây dựng tương tự.

1. Phương pháp xác định dự toán chi phí khảo sát trên cơ sở khối lượng và đơn giá khảo sát xây dựng.

Phương pháp xác định dự toán chi phí khảo sát xây dựng (sau đây gọi tắt là dự toán khảo sát) trên cơ sở khối lượng và đơn giá khảo sát xây dựng thực hiện như hướng dẫn tại mục 2.1 Thông tư số 12/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng (Thông tư 12/2008/TT-BXD).

Trong đó, cụ thể hóa một số nội dung như sau:

Dự toán chi phí khảo sát	= [{ Σ	x	} +	+	+] x (1 +) +	Chi phí dự phòng

1.1. Chi phí trực tiếp cho một đơn vị khối lượng khảo sát.

Chi phí trực tiếp cho một đơn vị khối lượng công việc khảo sát i trong đơn giá của từng loại công việc khảo sát theo hướng dẫn tại mục 2.1.2.1 Thông tư 12/2008/TT-BXD bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công trực tiếp và được xác định theo công thức:

$$C_{ti} = C_{vi} + C_{ni} + C_{mi}$$

Trong đó:

- Chi phí vật liệu trực tiếp (C_{vi}): Chi phí vật liệu trực tiếp cho một đơn vị khối lượng công việc khảo sát i tại thời điểm lập dự toán xác định theo Đơn giá xây dựng công trình - Phần Khảo sát xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công bố và quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

- Chi phí nhân công trực tiếp (C_{ni}): Chi phí nhân công trực tiếp cho một đơn vị khối lượng công việc khảo sát i xác định theo Đơn giá xây dựng công trình - Phần Khảo sát xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công bố và quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

- Chi phí sử dụng máy, thiết bị trực tiếp (C_{mi}): Chi phí sử dụng máy, thiết bị trực tiếp cho một đơn vị khối lượng công việc khảo sát i xác định theo Đơn giá xây dựng công trình - Phần Khảo sát xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công bố và quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quy định này.

1.2. Chi phí khác

Khối lượng của từng loại công việc khảo sát; Chi phí chung; Thu nhập chịu thuế tính trước; Chi phí lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát; Chi phí chỗ ở tạm thời; Chi phí chuyển quân, chuyển máy; Thuế suất thuế giá trị gia tăng; Chi phí dự phòng thực hiện theo quy định tại các mục 2.1.1, 2.1.2.2, 2.1.2.3, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5, 2.1.6, 2.1.7 Thông tư số 12/2008/TT-BXD.

Bảng tổng hợp dự toán chi phí khảo sát xây dựng như phụ lục số 4 của Quy định này.

2. Phương pháp xác định dự toán chi phí khảo sát trên cơ sở vận dụng số liệu chi phí khảo sát đã thực hiện của các công trình có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện công tác khảo sát xây dựng tương tự:

Việc vận dụng số liệu chi phí khảo sát đã thực hiện của các công trình có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện công tác khảo sát xây dựng tương

tự để xác định dự toán chi phí khảo sát cho công trình cần tính toán đến khối lượng, điều kiện thực hiện công việc, hệ số trượt giá trên cơ sở điều kiện khảo sát, biện pháp và thời gian thực hiện công tác khảo sát tương tự.

B. QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

1. Quyền và trách nhiệm của chủ đầu tư được quy định tại Điều 25, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

2. Quyền và trách nhiệm của các nhà thầu tư vấn quản lý chi phí.

2.1. Các nhà thầu (tổ chức, cá nhân) tư vấn quản lý chi phí khi thực hiện các công việc quản lý chi phí nêu tại khoản 1 Điều 18, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP. Phạm vi hoạt động của các nhà thầu tư vấn quản lý chi phí được quy định tại Điều 22, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP.

2.2. Quyền và trách nhiệm của các nhà thầu tư vấn quản lý chi phí được quy định tại Điều 26, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP.

3. Quyền và trách nhiệm của nhà thầu xây dựng trong quản lý chi phí được quy định tại Điều 27, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP.

Điều 8. Quản lý tổng mức đầu tư

1. Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với trường hợp không phải lập dự án, chủ đầu tư phải xác định tổng mức đầu tư để tính toán hiệu quả đầu tư xây dựng.

2. Thẩm định tổng mức đầu tư là một nội dung của việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình; nội dung thẩm định tổng mức đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền thẩm định tổng mức đầu tư được quy định như sau:

- Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch Đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định tổng mức đầu tư;

- Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm thẩm định tổng mức đầu tư;

- Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã, bộ phận có chức năng quản lý kế hoạch ngân sách chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định tổng mức đầu tư (thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn để thẩm tra hoặc đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định tổng mức đầu tư);

Các tổ chức, cá nhân tư vấn quản lý chi phí có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm chuyên môn thực hiện việc thẩm định, thẩm tra tổng mức đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lý, chính xác của kết quả thẩm định, thẩm tra.

4. Tổng mức đầu tư được ghi trong quyết định đầu tư do người quyết định đầu tư phê duyệt là chi phí tối đa mà chủ đầu tư được phép sử dụng để đầu tư xây dựng công trình và là cơ sở để chủ đầu tư lập kế hoạch và quản lý vốn khi thực hiện đầu tư xây dựng công trình.

5. Việc điều chỉnh tổng mức đầu tư thực hiện như quy định tại Điều 13 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD và Nghị định số 112/2009/NĐ-CP.

Điều 9. Quản lý dự toán công trình

1. Dự toán công trình, hạng mục công trình phải được tính đủ các yếu tố chi phí theo quy định. Trước khi phê duyệt dự toán công trình, Chủ đầu tư phải tổ chức thẩm định dự toán công trình bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP.

2. Trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực thẩm tra thì được phép thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn quản lý chi phí có đủ năng lực, kinh nghiệm chuyên môn để thẩm tra dự toán công trình. Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra dự toán công trình chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về kết quả thẩm tra.

3. Chủ đầu tư phê duyệt dự toán công trình (trừ các công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật sẽ do người quyết định đầu tư phê duyệt) sau khi đã thẩm định hoặc thẩm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phê duyệt dự toán công trình. Dự toán công trình được phê duyệt là cơ sở xác định giá gói thầu, giá xây dựng công trình và là căn cứ để đàm phán ký kết hợp đồng, thanh toán với nhà thầu trong trường hợp chỉ định thầu.

4. Dự toán công trình được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP. Nội dung, phương pháp xác

định dự toán công trình điều chỉnh theo hướng dẫn tại mục 2 và mục 4 Điều 15 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán công trình điều chỉnh làm cơ sở điều chỉnh giá hợp đồng, giá gói thầu và điều chỉnh tổng mức đầu tư. Đối với các công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: nếu giá trị dự toán công trình điều chỉnh không vượt giá trị dự toán đã được người quyết định đầu tư phê duyệt thì chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt; trường hợp vượt giá trị dự toán đã được người quyết định đầu tư phê duyệt thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư cho phép trước khi tổ chức thẩm định dự toán và trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

Điều 10. Quản lý định mức xây dựng

1. Định mức xây dựng bao gồm các định mức kinh tế - kỹ thuật và định mức chi phí tỷ lệ (được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD) do các Bộ và cơ quan ngang Bộ công bố là cơ sở áp dụng để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung các định mức xây dựng đã có hoặc xây dựng mới các định mức chưa có trong hệ thống định mức xây dựng được công bố nêu tại khoản 1 điều này thì thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 16 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD.

Chủ đầu tư, các tổ chức tư vấn đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm tổng hợp các định mức được xây dựng mới nêu trên báo cáo Sở Xây dựng để theo dõi, tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét công bố bổ sung trong trường hợp cần thiết.

Điều 11. Quản lý giá xây dựng công trình

1. Hệ thống giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

1.1. Hệ thống giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa bao gồm:

a) Hệ thống các đơn giá xây dựng công trình, đơn giá sửa chữa công trình xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công bố tại từng thời điểm tương ứng.

b) Bảng giá vật liệu xây dựng do liên Sở Tài chính - Xây dựng công bố.

1.2. Hệ thống đơn giá, giá vật liệu xây dựng do các cơ quan trên công bố là cơ sở áp dụng để xác định dự toán và quản lý chi phí đầu tư xây dựng

công trình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trường hợp liên Sở Tài chính - Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng chưa kịp thời hoặc chưa phù hợp với thực tế hoặc giá vật liệu xây dựng không có trong công bố giá vật liệu thì thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

2. Giao cho Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính căn cứ vào tình hình biến động giá cả của địa phương tổ chức xác định và công bố giá vật liệu xây dựng, giá nhiên liệu hàng tháng làm cơ sở áp dụng trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp giá vật liệu, nhiên liệu trên địa bàn quản lý gửi về Sở Xây dựng và Sở Tài chính theo định kỳ hàng tháng. Liên sở Tài chính - Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp giá vật liệu, nhiên liệu do Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp, báo giá của các nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp để tiến hành công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng.

4. Trường hợp cần bổ sung đơn giá xây dựng công trình chưa được công bố tại điểm a mục 1.1 khoản 1 điều này, chủ đầu tư căn cứ phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình, yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công cụ thể của công trình tổ chức lập đơn giá xây dựng công trình, giá xây dựng tổng hợp làm cơ sở cho việc xác định tổng mức đầu tư và dự toán xây dựng công trình để quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Chủ đầu tư xây dựng công trình có thể thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn quản lý chi phí có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm chuyên môn thực hiện các công việc hoặc phân công việc liên quan tới việc lập hoặc thẩm tra đơn giá xây dựng công trình. Tổ chức, cá nhân tư vấn quản lý chi phí chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật trong việc đảm bảo tính hợp lý, chính xác của các đơn giá xây dựng công trình do mình lập.

Trường hợp định mức dùng để xây dựng các đơn giá bổ sung không có trong hệ thống định mức được công bố thì phải thực hiện việc xây dựng định mức bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Quy định này trước khi xây dựng đơn giá.

Chủ đầu tư, các tổ chức tư vấn đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm tổng hợp các đơn giá xây dựng công trình được lập bổ sung nêu trên báo cáo Sở Xây dựng để theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh công bố bổ sung trong trường hợp cần thiết.

5. Định kỳ hàng năm, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm rà soát, tổng hợp các định mức mới, đơn giá mới chưa được công bố trên cơ sở báo cáo của các chủ đầu tư, các tổ chức tư vấn đầu tư xây dựng công trình; tổ chức lập, công bố và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố bổ sung các định mức, đơn giá.

Điều 12. Quản lý khối lượng thi công xây dựng

1. Nội dung quản lý thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Việc điều chỉnh giá và hợp đồng thi công xây dựng khi có tình huống phát sinh phải xử lý kỹ thuật hoặc khi có khối lượng phát sinh ngoài thiết kế, dự toán xây dựng công trình được duyệt thực hiện theo những quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Trường hợp tình huống phát sinh xử lý kỹ thuật không làm thay đổi thiết kế cơ sở, không vượt tổng mức đầu tư và không làm vượt giá trị hợp đồng thì đại diện chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng cùng các bên tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế, tư vấn quản lý dự án (gọi tắt là các bên liên quan) thống nhất biện pháp xử lý, báo cáo chủ đầu tư xem xét quyết định.

3. Trường hợp bổ sung khối lượng phát sinh ngoài thiết kế, dự toán xây dựng công trình được duyệt làm vượt giá trị hợp đồng nhưng không làm thay đổi thiết kế cơ sở, không vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư xem xét quyết định và hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý theo đúng quy định.

4. Trường hợp bổ sung khối lượng phát sinh ngoài thiết kế, dự toán xây dựng công trình được duyệt làm vượt giá trị hợp đồng đồng thời làm thay đổi thiết kế cơ sở hoặc vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư (theo quy định tại Điều 10 của Quy định hướng dẫn thực hiện một số thủ tục và phân cấp, ủy quyền quản lý đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, ban hành kèm theo Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh) cho phép và phê duyệt điều chỉnh dự án trước khi thực hiện.

4.1. Cơ quan đầu mối thẩm định dự án đầu tư theo phân cấp tiếp nhận hồ sơ, xem xét tính hợp lệ, kết hợp lấy ý kiến của các sở quản lý công trình chuyên ngành và tổng hợp ý kiến (đối với trường hợp làm thay đổi thiết kế cơ sở) để tham mưu người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

4.2. Sau khi được người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt điều chỉnh dự án, chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán phần khối lượng phát sinh. Đồng thời, chủ đầu tư và đơn vị thi công tiến hành tính toán, thương thảo hợp đồng giá trị bổ sung phần khối lượng phát sinh theo các quy định liên quan hiện hành.

5. Những vấn đề cần lưu ý khi thương thảo hợp đồng bổ sung giá trị khối lượng phát sinh:

5.1. Trường hợp có hạng mục trong hợp đồng không thực hiện thì giảm trừ giá trị tương ứng của hạng mục đó theo hợp đồng.

5.2. Trường hợp có khối lượng không thực hiện hoặc khối lượng thực hiện thấp hơn ở bảng tính giá hợp đồng thì giảm trừ phần khối lượng không thực hiện (hoặc thấp hơn) nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.

5.3. Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư trong phạm vi hợp đồng, khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng thêm phần khối lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.

5.4. Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư trong phạm vi hợp đồng, khối lượng phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng thêm phần khối lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá điều chỉnh do chủ đầu tư phê duyệt theo nguyên tắc điều chỉnh đơn giá khối lượng phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

5.5. Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thương thảo theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt có tính đến tỷ lệ trừ tiết kiệm theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh này.

Điều 13. Xử lý các tình huống trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình

1. Đối với việc điều chỉnh kế hoạch đấu thầu được phê duyệt:

Trong quá trình thực hiện dự án, nếu xét thấy tiến độ thực hiện các công việc trong hoạt động xây dựng có thể vượt quá thời gian cho phép so với kế hoạch đấu thầu được duyệt thì chủ đầu tư có trách nhiệm phải báo cáo bằng

văn bản với người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu (theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng) chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh hình thức hợp đồng trong kế hoạch đấu thầu đã được phê duyệt, chủ đầu tư phải báo cáo về nội dung điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh với người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu cho phép bằng văn bản trước khi thực hiện.

Các cơ quan thẩm định kế hoạch đấu thầu theo phân cấp có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, xem xét tính hợp lệ và tham mưu người có thẩm quyền quyết định đầu tư đồng ý chủ trương cho phép điều chỉnh tiến độ hoặc hình thức hợp đồng các công việc trong kế hoạch đấu thầu được duyệt.

2. Đối với việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng

2.1 Điều chỉnh hợp đồng xây dựng bao gồm điều chỉnh khối lượng, điều chỉnh giá hợp đồng, điều chỉnh tiến độ hợp đồng và các nội dung khác (nếu có) mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Khi điều chỉnh hợp đồng xây dựng không làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì chủ đầu tư được quyền quyết định; trường hợp làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép.

2.2. Nguyên tắc điều chỉnh giá và điều chỉnh hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 34, Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

2.3. Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 48/2010/CP và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12 của Quy định này.

2.4. Việc điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36, Nghị định số 48/2010/CP và khoản 5 Điều 12 của Quy định này.

2.5. Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 38, Nghị định số 48/2010/CP.

Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận và thống nhất việc điều chỉnh.

Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư lập văn bản đề nghị người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định (kèm theo hồ sơ liên quan chứng minh tính hợp lệ của việc xin điều chỉnh).

Sở quản lý công trình chuyên ngành (đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh), phòng quản lý chuyên ngành hoặc bộ phận chuyên môn theo phân công của cấp quyết định đầu tư (đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư theo phân cấp cho cấp huyện và cấp xã), bộ phận chuyên môn các Sở (đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của các Sở) tiếp nhận hồ sơ, xem xét tính hợp lệ và tham mưu người có thẩm quyền quyết định đầu tư đồng ý chủ trương cho phép điều chỉnh hợp đồng. Sau khi được người có thẩm quyền cho phép, chủ đầu tư và đơn vị thi công tiến hành tính toán, thương thảo hợp đồng giá trị bổ sung được phép điều chỉnh theo phương pháp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Đối với các trường hợp điều chỉnh giá trị dự toán xây dựng công trình, điều chỉnh giá trị hợp đồng do Nhà nước thay đổi các chính sách có liên quan, nếu kết quả thẩm tra hoặc thẩm định dự toán điều chỉnh, giá trị hợp đồng điều chỉnh cho thấy các giá trị này làm vượt tổng mức đầu tư được duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép trước khi phê duyệt giá trị dự toán điều chỉnh hoặc giá trị hợp đồng điều chỉnh (kèm theo hồ sơ liên quan và báo cáo thẩm tra hoặc kết quả thẩm định dự toán điều chỉnh, giá trị hợp đồng điều chỉnh để làm cơ sở cho việc điều chỉnh tổng mức đầu tư).

Các cơ quan thẩm định tổng mức đầu tư theo phân cấp có trách nhiệm thụ lý hồ sơ, thẩm định để tham mưu người có thẩm quyền cho phép và quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư.

4. Trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư do Nhà nước thay đổi chế độ chính sách có liên quan làm thay đổi nhóm của dự án, cho phép chủ đầu tư tiếp tục thực hiện dự án như quy định đối với dự án trước khi điều chỉnh (không phải làm lại các thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án).

Đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Giám đốc các sở, ngành quyết định đầu tư theo phân cấp và ủy quyền, nếu sau khi điều chỉnh tổng mức đầu tư do Nhà nước thay đổi chế độ chính sách liên quan có

tổng mức đầu tư điều chỉnh lớn hơn mức đã phân cấp, ủy quyền thì cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Giám đốc các sở, ngành tiếp tục phê duyệt điều chỉnh quyết định đầu tư như quy định đối với dự án đã phân cấp, ủy quyền trước khi điều chỉnh.

Chương III

LẬP VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ

Điều 14. Nguyên tắc chung về lập và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng và nguyên tắc chung của việc lập và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị thực hiện như quy định tại mục I Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị (Thông tư 06/2008/TT-BXD).

2. Việc tổ chức đấu thầu dịch vụ công ích đô thị thực hiện theo quy định hiện hành về đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch dịch vụ công ích.

3. Việc thực hiện hợp đồng dịch vụ công ích đô thị thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư 06/2008/TT-BXD.

Điều 15. Phương pháp lập dự toán dịch vụ công ích đô thị

Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng xe máy và thiết bị, chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức. Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị được lập cho từng loại dịch vụ công ích đô thị và được xác định như sau:

$$\text{Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị} = \left\{ \sum \begin{array}{l} \text{Khối lượng} \\ \text{của từng} \\ \text{loại công} \\ \text{tác dịch vụ} \\ \text{công ích} \\ \text{đô thị} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{của từng} \\ \text{loại công} \\ \text{tác dịch} \\ \text{vụ công} \\ \text{ích đô thị} \end{array} \right\} + \text{Chi phí quản lý chung} + \text{Lợi nhuận định mức}$$

1. Khối lượng của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị

Khối lượng của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị được xác định theo kế hoạch hoặc nhiệm vụ đột xuất do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện trong một số trường hợp cần thiết.

2. Đơn giá của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị

Đơn giá của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị bao gồm các thành phần chi phí về vật liệu, nhân công, sử dụng xe máy và thiết bị (gọi là chi phí trực tiếp). Chi phí trực tiếp được xác định theo các Đơn giá dịch vụ công ích đô thị do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công bố tại từng thời điểm tương ứng và các quy định cụ thể như sau:

2.1. Chi phí vật liệu: Chi phí vật liệu trong các đơn giá sử dụng giá vật liệu gốc tính theo mặt bằng giá tại thời điểm lập đơn giá. Khi lập dự toán dịch vụ công ích đô thị phải xác định lại giá vật liệu tại thời điểm lập và tính toán bù trừ chênh lệch giá vật liệu so với giá vật liệu gốc trong đơn giá vào chi phí vật liệu trong dự toán dịch vụ công ích đô thị trên cơ sở Định mức hao phí từng loại vật liệu để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trong việc xác định giá vật liệu tại thời điểm lập dự toán, đảm bảo phải hợp lý và phù hợp với mặt bằng giá thị trường trên địa bàn quản lý, xác định trên cơ sở công bố giá của Liên sở Tài chính - Xây dựng. Trường hợp liên Sở Tài chính - Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng chưa kịp thời hoặc chưa phù hợp với thực tế của từng địa phương hoặc giá vật liệu xây dựng không có trong công bố giá vật liệu thì có thể xác định trên cơ sở báo giá của các nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp hoặc giá đã được áp dụng cho các công tác khác có cùng tiêu chuẩn về chất lượng và phải đảm bảo tính cạnh tranh (giá vật liệu cấu thành trong đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

2.2. Chi phí nhân công: Áp dụng theo chi phí nhân công tương ứng của từng loại công tác trong các đơn giá dịch vụ công ích do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công bố. Việc điều chỉnh giá nhân công trong các đơn giá tại từng thời điểm để phù hợp với quy định của Chính phủ về điều chỉnh mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại từng thời điểm tương ứng.

2.3. Chi phí sử dụng xe máy và thiết bị: Áp dụng theo chi phí sử dụng xe máy và thiết bị tương ứng của từng loại công tác trong các đơn giá dịch vụ công ích do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công bố. Việc điều chỉnh chi phí sử dụng xe máy và thiết bị trong các đơn giá tại từng thời điểm để phù hợp với quy định của Chính phủ về điều chỉnh mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại từng thời điểm tương ứng.

3. Chi phí quản lý chung: Là chi phí quản lý của doanh nghiệp, chi phí phục vụ trực tiếp quản lý chung (bao gồm cả công cụ lao động), chi phí phục vụ công nhân, chi trả lãi vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, chi phí tiền ăn giữa ca, các khoản phí, lệ phí, chi phí thuê tài sản, thuê mặt bằng nhà xưởng (nếu có), chi phí thuê kiểm toán và các khoản chi phí khác.

Chi phí quản lý chung trong dự toán dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí nhân công trực tiếp và được quy định cụ thể tại bảng dưới đây:

STT	Loại dịch vụ công ích	Loại đô thị		
		I	II	III ÷ V
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị	62	63	65
2	Nạo vét duy trì hệ thống thoát nước đô thị	62	64	66
3	Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng	63	65	67
4	Duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị	66	67	68

Đối với khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị có chi phí sử dụng máy và thiết bị > 60% chi phí trực tiếp thì chi phí quản lý chung được tính tỷ lệ bằng 2,5% chi phí sử dụng xe máy và thiết bị.

4. Lợi nhuận định mức được tính tỷ lệ bằng 4,5% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong giá dự toán thực hiện dịch vụ công ích.

Bảng tổng hợp dự toán của từng loại dịch vụ công ích đô thị được lập như phụ lục số 5 của Quy định này

Điều 16. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và thực hiện dịch vụ công ích đô thị

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức, phân công nhiệm vụ cho phòng chuyên môn hoặc bộ phận chuyên môn trực thuộc lập kế hoạch và dự toán dịch vụ công ích đô thị. Kế hoạch và dự toán dịch vụ công ích đô thị được Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp ký xác nhận trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định.

2. Thành phần hồ sơ trình thẩm định dự toán dịch vụ công ích đô thị

bao gồm: Tờ trình thẩm định, Kế hoạch thực hiện dịch vụ công ích đô thị và Dự toán dịch vụ công ích đô thị.

3. Sở Xây dựng Khánh Hòa là cơ quan thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt dự toán dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Giá dự toán dịch vụ công ích đô thị được phê duyệt là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện khi lựa chọn phương thức cung ứng dịch vụ công ích (là cơ sở để xác định giá gói thầu khi lập kế hoạch đấu thầu; là căn cứ để thương thảo hợp đồng khi đặt hàng, căn cứ để giao kế hoạch theo kế hoạch đấu thầu được phê duyệt).

4. Ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch Đầu tư phê duyệt kế hoạch đấu thầu và tổ chức đăng tải thông tin về đấu thầu các dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Tùy theo tình hình thực tế ở từng địa phương, việc phân chia các gói thầu dịch vụ công ích đô thị do Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét đề xuất, có thể đấu thầu chung cho tất cả các loại dịch vụ công ích đô thị hoặc đấu thầu riêng cho từng loại dịch vụ công ích đô thị khác nhau.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu đối với các dịch vụ công ích đô thị theo quy định của pháp luật đấu thầu.

Điều 17. Quản lý giá dịch vụ công ích

1. Hệ thống các đơn giá dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa bao gồm: Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị; đơn giá duy trì hệ thống thoát nước đô thị; đơn giá duy trì hệ thống cây xanh đô thị và đơn giá duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng. Hệ thống các đơn giá trên được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công bố và Bảng giá vật liệu xây dựng do liên Sở Tài chính - Xây dựng công bố là cơ sở áp dụng để xác định dự toán và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp liên Sở Tài chính - Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng chưa kịp thời hoặc chưa phù hợp với thực tế địa phương hoặc giá vật liệu không có trong công bố giá vật liệu thì thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

2. Trường hợp cần bổ sung đơn giá dịch vụ công ích đô thị chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ

chức lập đơn giá bổ sung trình Sở Xây dựng thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trước khi áp dụng lập dự toán dịch vụ công ích đô thị.

Chương IV

LẬP VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 18. Dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng

1. Dự toán chi phí lập các loại quy hoạch xây dựng bao gồm: Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn và các loại quy hoạch xây dựng khác gọi tắt là dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng, là một nội dung trong nhiệm vụ quy hoạch xây dựng.

2. Dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng bao gồm các thành phần chi phí để sử dụng cho các công việc: Khảo sát địa hình, địa chất phục vụ lập quy hoạch xây dựng; lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý công tác quy hoạch xây dựng; tổ chức công bố quy hoạch xây dựng; cắm mốc giới quy hoạch xây dựng ngoài thực địa; các công việc khác phục vụ cho công tác quy hoạch xây dựng.

3. Dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng được xác định theo quy định của Bộ Xây dựng tại Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD ngày 17 tháng 11 năm 2008 về việc ban hành định mức chi phí quy hoạch xây dựng (Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD) và các Đơn giá khảo sát xây dựng, Đơn giá cắm mốc giới quy hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công bố. Trường hợp cần thiết lập dự toán chi phí khảo sát khảo sát xây dựng để phục vụ cho công tác lập quy hoạch xây dựng thì thực hiện như Điều 6 của Quy định này.

4. Việc điều chỉnh dự toán chi phí trước thuế cho công tác lập quy hoạch xây dựng xác định trên cơ sở Định mức chi phí quy hoạch xây dựng ban hành theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD tại từng thời điểm để phù hợp với quy định của Chính phủ về điều chỉnh mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại từng thời điểm tương ứng.

Điều 19. Phân cấp thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng

Người có thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng là người phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng. Riêng đối với các đồ án quy

hoạch xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong, Sở Xây dựng hoặc các đơn vị khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức lập (gọi chung là các đơn vị tổ chức lập quy hoạch) và thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh thì ủy quyền cho các đơn vị tổ chức lập quy hoạch tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng (không bao gồm phần dự toán).

Việc phân cấp thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng (không bao gồm phần dự toán), đồ án quy hoạch xây dựng thực hiện như quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Điều 20. Phân cấp thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu, kết quả chỉ định thầu lập quy hoạch xây dựng

1. Nhiệm vụ, dự toán chi phí và kế hoạch vốn lập quy hoạch xây dựng phải được phê duyệt trước khi lập kế hoạch đấu thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

2. Đối với quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh:

2.1. Trường hợp gói thầu có giá trị dưới 500 triệu đồng: Ủy quyền cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Đồng thời, chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả chỉ định thầu tư vấn lập quy hoạch xây dựng theo quy định.

2.2. Trường hợp gói thầu có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng lập kế hoạch đấu thầu trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Sau khi kế hoạch đấu thầu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả chỉ định thầu tư vấn lập quy hoạch xây dựng theo quy định.

3. Đối với quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu và kết quả chỉ định thầu tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

4. Khi lập kế hoạch đấu thầu, phê duyệt kết quả chỉ định thầu, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng phải thực hiện đúng tỷ lệ trừ tiết kiệm theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hướng dẫn xử lý chuyển tiếp

1. Xử lý chuyển tiếp đối với công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình

1.1. Dự án đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt trước ngày Nghị định số 112/2009/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 01/02/2010) nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện thì thực hiện theo các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007, Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 tháng 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp cần thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình bao gồm: tổng mức đầu tư; dự toán xây dựng công trình; định mức và giá xây dựng; quyền và trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, nhà thầu trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 112/2009/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

1.2. Dự án đầu tư xây dựng công trình đã lập, thẩm định nhưng chưa được phê duyệt trước ngày Nghị định số 112/2009/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 01/02/2010) thì thực hiện theo các quy định Nghị định số 112/2009/NĐ-CP, Thông tư số 04/2010/TT-BXD và Quy định này.

2. Xử lý chuyển tiếp việc quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị.

Các hợp đồng thực hiện dịch vụ công ích đô thị đã được ký kết đang thực hiện dở dang hoặc dự toán dịch vụ công ích đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không phải điều chỉnh, phê duyệt lại.

Dịch vụ công ích đô thị chưa tổ chức đấu thầu hoặc chưa đặt hàng hoặc chưa giao kế hoạch thì thực hiện theo các quy định tại Quyết định này.

3. Xử lý chuyển tiếp đối với công tác quản lý chi phí lập quy hoạch xây dựng

Các quy hoạch xây dựng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng thì thực hiện như các nội dung đã được phê duyệt. Riêng việc xử lý chuyển tiếp sang áp dụng định mức chi phí quy hoạch theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD thì cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng chịu trách nhiệm xác định khối lượng chuyển tiếp, phê duyệt dự toán điều chỉnh và triển khai thực hiện việc điều chỉnh hợp đồng như quy định tại mục 20 phần I của định mức ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD.

Các quy hoạch xây dựng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng thì thực hiện như các nội dung quy định tại Quyết định này.

Điều 22. Điều khoản thi hành

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm rà soát, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý theo đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật và Quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc phát sinh, kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng

PHỤ LỤC SỐ 1**HƯỚNG DẪN TÍNH TOÁN CÁC LOẠI PHỤ CẤP***(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND**ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)***I. PHỤ CẤP LƯU ĐỘNG**

Việc áp dụng phụ cấp lưu động theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BLĐTBXH ngày 5 tháng 01 năm 2005 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Phụ cấp lưu động gồm 3 mức: 0,6; 0,4; 0,2 so với mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định, được qui định như sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp lưu động / ngày công} = \frac{\text{Hệ số phụ cấp lưu động} \times \text{Mức lương tối thiểu chung}}{26 \text{ ngày}}$$

1. Mức 1, hệ số 0,6 (60%): Áp dụng đối với những người làm việc trong các tổ, đội, công trình, bao gồm:

- Tổ, đội khảo sát, tìm kiếm, khoan, thăm dò khoáng sản;
- Tổ, đội khảo sát, đo đạc xây dựng hệ thống điểm đo đạc quốc gia, hệ thống cơ sở đo đạc chuyên dùng, đo đạc đại địa, địa hình;
- Tổ, đội khảo sát xây dựng công trình thủy điện;
- Tổ đội sửa chữa điện nóng (đường dây cao thế mang điện); quản lý, vận hành đường dây 500 KV;
- Công trình xây dựng ở miền núi cao, đảo xa.

2. Mức 2, hệ số 0,4 (40%): Áp dụng đối với những người làm việc trong các tổ, đội, công trình, bao gồm:

- Tổ, đội khảo sát đo đạc thành lập các bản đồ địa chính;
- Tổ, đội khảo sát xây dựng chuyên ngành;
- Tổ, đội khảo sát điều tra các nông trường, lâm trường;
- Tổ, đội xây lắp và sửa chữa đường dây tải điện cao thế; quản lý, vận hành đường dây có điện áp 220 KV trở xuống;

- Tổ, đội xây lắp sửa chữa tuyến cáp viễn thông liên tỉnh và ứng cứu thông tin liên tỉnh;

- Công trình xây dựng ở miền núi, trung du.

3. Mức 3, hệ số 0,2 (20%): Áp dụng đối với những người làm việc trong các tổ, đội, công trình, bao gồm:

- Tổ, đội điều tra, khảo sát còn lại;

- Công trình xây dựng ở đồng bằng;

- Nhân viên đi thu tiền điện, tiền điện thoại, tiền nước tại hộ gia đình;

- Nhân viên đi thu mua hàng nông, lâm, thủy hải sản.

Ghi chú: Phụ cấp lưu động mức 2 đã tính trong Đơn giá Khảo sát xây dựng, Phụ cấp lưu động mức 3 đã tính trong Đơn giá Xây dựng công trình (Phần Xây dựng, Phần Lắp đặt).

II. PHỤ CẤP KHU VỰC

Việc áp dụng phụ cấp khu vực theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Liên Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban dân tộc.

Phụ cấp khu vực được quy định gồm 7 mức: 0,1; 0,2; 0,3; 0,4; 0,5; 0,7 và 1,0 so với mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định, được quy định như sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp khu vực / ngày công} = \text{Hệ số phụ cấp khu vực} \times \text{Mức lương tối thiểu chung} / 26 \text{ ngày}$$

1. Thành phố Nha Trang:

- Hệ số 0,2: Đảo Hòn Tre.

- Hệ số 0,1: Các đảo: Trí Nguyên, Bích Đàm, Đàm Bảy, Đàm Già, Bãi Me, Bãi Trữ, Vũng Ngán, Hòn Một.

2. Thị xã Cam Ranh:

- Hệ số 0,2: Xã Cam Bình.

- Hệ số 0,1: Các xã: Cam Lập, Bán đảo Cam Ranh.

3. Huyện Cam Lâm:

- Hệ số 0,1: Các xã: Sơn Tân, Cam Hải Đông.

4. Huyện Vạn Ninh:

- Hệ số 0,3: Xã Vạn Thạnh.

5. Huyện Ninh Hòa

- Hệ số 0,2: Các xã: Ninh Tây, Ninh Vân

- Hệ số 0,1: Các xã: Ninh Phú, Ninh Tân, Ninh Thượng, Ninh Sơn, Ninh Phước.

6. Huyện Khánh Vĩnh:

- Hệ số 0,5: Các xã: Khánh Thượng, Khánh Hiệp, Sơn Thái, Giang Ly, Liên Giang, Cầu Bà

- Hệ số 0,4: Các xã: Khánh Phú, Khánh Thành, Khánh Trung

- Hệ số 0,3: Xã Khánh Bình

- Hệ số 0,2: Các xã: Khánh Đông, Khánh Nam, Sông Cầu; thị trấn Khánh Vĩnh

7. Huyện Diên Khánh:

- Hệ số 0,2: Xã Diên Tân

- Hệ số 0,1: Xã Suối Tiên

8. Huyện Khánh Sơn:

- Hệ số 0,5: Xã Thành Sơn

- Hệ số 0,4: Các xã: Ba Cùm Nam, Sơn Lâm, Sơn Bình, Sơn Hiệp

- Hệ số 0,3: Các xã: Ba Cùm Bắc, Sơn Trung, thị trấn Tô Hạp

9. Huyện Trường Sa:

- Hệ số 1,0: Toàn huyện

10. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,3: Trạm đèn đảo Hòn Lớn

- Hệ số 0,2: Trạm đèn đảo Hòn Chút, các đảo thuộc tỉnh

III. PHỤ CẤP ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

Việc áp dụng phụ cấp độc hại, nguy hiểm theo hướng dẫn tại Thông tư 04/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Phụ cấp độc hại, nguy hiểm gồm 4 mức 0,1; 0,2; 0,3; 0,4 so với mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định, được qui định như sau:

$$\frac{\text{Mức tiền phụ cấp độ hại, nguy hiểm / ngày công}}{\text{Hệ số phụ cấp độ hại, nguy hiểm}} = \frac{\text{Mức lương tối thiểu chung}}{26 \text{ ngày}}$$

IV. PHỤ CẤP THU HÚT

Việc áp dụng phụ cấp thu hút theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 10/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Liên Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính.

Phụ cấp thu hút gồm 4 mức: 20%, 30%, 50% và 70% so với mức lương hiện hưởng (theo ngạch, bậc, chức vụ, chuyên môn, nghiệp vụ) - gọi tắt là lương cơ bản.

Công thức tính phụ cấp thu hút như sau:

$$P_{\text{thuhút}} = (H_{\text{cb}} \times L_{\text{tt}} \times K_{\text{thuhút}}) / 26 \quad (\text{đồng/công})$$

Trong đó:

$P_{\text{thuhút}}$: Phụ cấp thu hút được hưởng (đồng/công)

H_{cb} : Hệ số lương công nhân theo quy định tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ Quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước.

L_{tt} : Mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định.

$K_{\text{thuhút}}$: Mức phụ cấp thu hút được hưởng

PHỤ LỤC SỐ 2**ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG THANG LƯƠNG 7 BẬC (A.1)
NGÀNH XÂY DỰNG CƠ BẢN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Nhóm I:

- Mộc, nề, sắt;
- Lắp ghép cấu kiện, thí nghiệm hiện trường;
- Sơn, vôi và cắt lắp kính;
- Bê tông;
- Duy tu, bảo dưỡng đường băng sân bay;
- Sửa chữa cơ khí tại hiện trường;
- Công việc thủ công khác.

Nhóm II:

- Vận hành các loại máy xây dựng;
- Khảo sát, đo đạc xây dựng;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị, đường ống;
- Bảo dưỡng máy thi công;
- Xây dựng đường giao thông;
- Lắp đặt tua bin có công suất < 2,5 MW;
- Gác chắn đường ngang hoặc gác chắn cầu chung thuộc ngành đường sắt;
- Quản lý, sửa chữa thường xuyên đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa;
- Tuàn đường, tuàn cầu, tuàn hầm đường sắt, đường bộ;
- Kéo phà lắp cầu phao thủ công.

Nhóm III:

- Xây lắp đường dây điện cao thế;

- Xây lắp thiết bị trạm biến áp;
- Xây lắp cầu;
- Xây lắp công trình thủy;
- Xây dựng đường băng sân bay;
- Công nhân địa vật lý;
- Lắp đặt tua bin có công suất $\geq 2,5$ MW;
- Xây dựng công trình ngầm;
- Xây dựng công trình ngoài biển;
- Xây dựng công trình thủy điện, công trình đầu mối thủy lợi;
- Đại tu làm mới đường sắt.

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Bảng 3.1. TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Ngày tháng năm

Tên công trình:

Đơn vị tính: đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Chi phí xây dựng			G_{XD}
2	Chi phí thiết bị			G_{TB}
3	Chi phí quản lý dự án			G_{QLDA}
4	Chi tư vấn đầu tư xây dựng			G_{TV}
4.1	Chi phí thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc			
4.2	Chi phí thiết kế xây dựng công trình			
.....			
5	Chi phí khác			G_K
5.1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ			
5.2	Chi phí bảo hiểm công trình			
.....			
6	Chi phí dự phòng ($G_{DPI} + G_{DP2}$)			G_{DP}
6.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			G_{DPI}
6.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá			G_{DP2}
	TỔNG CỘNG (1+ 2 + 3 + 4 + 5+ 6)			G_{XDCT}

Người tính
Kỹ sư định giá hạng...

Người kiểm tra
Kỹ sư định giá hạng

Cơ quan lập

(Chữ ký; họ tên)

(Chữ ký; họ tên)

Bảng 3.2.a. TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

(*Tính theo đơn giá xây dựng công trình không đầy đủ
và giá xây dựng tổng hợp không đầy đủ*)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP		
1	Chi phí vật liệu	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{vl}$	VL
2	Chi phí nhân công	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{nc} \times (1 + K_{nc})$	NC
3	Chi phí máy thi công	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^m \times (1 + K_{mtc})$	M
4	Chi phí trực tiếp khác	$(VL+NC+M) \times \text{tỷ lệ}$	TT
	Chi phí trực tiếp	VL+NC+M+TT	T
II	CHI PHÍ CHUNG	T x tỷ lệ	C
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$(T+C) \times \text{tỷ lệ}$	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	$(T+C+TL)$	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$G \times T^{GTGT-XD}$	GTGT
	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT	G^{XD}
V	CHI PHÍ XÂY DỰNG NHÀ TẠM TẠI HIỆN TRƯỜNG ĐỂ Ở VÀ ĐIỀU HÀNH THI CÔNG	$G \times \text{tỷ lệ} \times (1 + GTGT)$	G_{XDNT}
	TỔNG CỘNG	$G^{XD} + G_{XDNT}$	G_{XD}

Người tính
Kỹ sư định giá hạng...

(Chữ ký; họ tên)

Người kiểm tra
Kỹ sư định giá hạng

(Chữ ký; họ tên)

Cơ quan lập

Trong đó:

1. Trường hợp chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công được xác định theo khối lượng và giá xây dựng tổng hợp không đầy đủ:

- Q_j là khối lượng một nhóm công tác hoặc một đơn vị kết cấu, bộ phận thứ j của công trình.

- D_j^{vl} , D_j^{nc} , D_j^m là chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công trong đơn giá xây dựng tổng hợp một nhóm công tác hoặc một đơn vị kết cấu, bộ phận thứ j của công trình.

2. Trường hợp chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công được xác định theo cơ sở khối lượng và đơn giá xây dựng công trình không đầy đủ:

- Q_j là khối lượng công tác xây dựng thứ j .

- D_j^{vl} , D_j^{nc} , D_j^m là chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công trong đơn giá xây dựng chi tiết của công tác xây dựng thứ j .

Chi phí vật liệu (D_j^{vl}), chi phí nhân công (D_j^{nc}), chi phí máy thi công (D_j^m) trong đơn giá xây dựng công trình không đầy đủ và giá xây dựng tổng hợp không đầy đủ được tính toán và tổng hợp theo Bảng 3.3. của phụ lục này và là một phần trong hồ sơ dự toán công trình.

+ K_{nc} , K_{mtc} : Hệ số điều chỉnh nhân công, máy thi công (nếu có).

+ Định mức tỷ lệ chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước được quy định tại Bảng 3.4 của phụ lục này.

+ G : Chi phí xây dựng công trình, hạng mục công trình, bộ phận, phần việc, công tác trước thuế.

+ $T^{GTGT-XD}$: Mức thuế suất thuế GTGT quy định cho công tác xây dựng.

+ G^{XD} : Chi phí xây dựng công trình, hạng mục công trình, bộ phận, phần việc, công tác sau thuế.

+ G_{XDNT} : Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.

Trường hợp nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được lập dự toán chi phí riêng theo thiết kế thì dự toán chi phí xây dựng trong Bảng 3.2 trên đây không bao gồm chi phí nói trên ($G_{XDNT} = 0$) và định mức chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước được tính theo công trình dân dụng.

+ G_{XD} : Chi phí xây dựng công trình, hạng mục công trình, bộ phận, phần việc, công tác sau thuế và chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.

Bảng 3.2.b. TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG*(Tính theo đơn giá xây dựng công trình đầy đủ và giá xây dựng tổng hợp đầy đủ)*

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KÝ HIỆU
I			
1	Chi phí xây dựng trước thuế	n $\sum_{i=1} Q_i \times D_i$	G
2	Thuế Giá trị gia tăng	$G \times T^{GTGT-XD}$	GTGT
3	Chi phí xây dựng sau thuế	$G + GTGT$	G^{XD}
4	Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	$G \times \text{tỷ lệ} \times (1 + GTGT)$	G_{XDNT}
5	TỔNG CỘNG	$G^{XD} + G_{XDNT}$	G_{XD}

Người tính
Kỹ sư định giá hạng...

Người kiểm tra
Kỹ sư định giá hạng

Cơ quan lập

(Chữ ký; họ tên)

(Chữ ký; họ tên)

Trong đó:

1. Trường hợp chi phí xây dựng được xác định trên cơ sở khối lượng và giá xây dựng tổng hợp đầy đủ:

- Q_i là khối lượng một nhóm công tác hoặc một đơn vị kết cấu, bộ phận thứ i của công trình ($i = 1 \div n$);

- D_i là giá xây dựng tổng hợp đầy đủ (bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước) để thực hiện một nhóm công tác hoặc một đơn vị kết cấu, bộ phận thứ i của công trình.

2. Trường hợp chi phí xây dựng được xác định trên cơ sở khối lượng và đơn giá xây dựng công trình đầy đủ:

- Q_i là khối lượng công tác xây dựng thứ i của công trình ($i = 1 \div n$);

- D_1 là đơn giá xây dựng công trình đầy đủ (bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước) để thực hiện công tác xây dựng thứ j của công trình ;

- G : Chi phí xây dựng công trình trước thuế;

- $T^{GTGT-XD}$: Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng quy định cho công tác xây dựng;

- G^{XD} : Chi phí xây dựng công trình sau thuế;

- G_{XDNT} : Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công;

- G_{XD} : Chi phí xây dựng công trình sau thuế và chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công sau thuế.

3. Trường hợp chi phí xây dựng lập cho bộ phận, phần việc, công tác thì chi phí xây dựng trong dự toán công trình, hạng mục công trình được tính theo công thức sau:

$$G_{xd} = \sum_{i=1}^n g_i$$

Trong đó:

- g_i : Chi phí xây dựng sau thuế của bộ phận, phần việc, công tác thứ i của công trình, hạng mục công trình ($i = 1 \div n$).

Bảng 3.3. TỔNG HỢP GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Tên công trình:

I. PHẦN ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Stt. (Tên công tác xây dựng)

Đơn vị tính :

MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	MÃ HIỆU VL, NC, M	THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	
DG.1		Chi phí VL					
		VL.1					
		VL.2					
		...					
		Cộng				VL	
			Chi phí NC (theo cấp bậc thợ bình quân)	công			NC
			Chi phí MTC				
		M.1		ca			
		M.2		ca			
		...					
		Cộng					M

II. PHẦN GIÁ XÂY DỰNG TỔNG HỢP

Stt. (Tên nhóm danh mục công tác, đơn vị kết cấu, bộ phận của công trình)

Đơn vị tính :

MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	THÀNH PHẦN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	THÀNH PHẦN CHI PHÍ			TỔNG CỘNG
				VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
DG.1							
DG.2							
DG.3							
...							
	Cộng			VL	NC	M	Σ

Ghi chú:

- Mã hiệu đơn giá và mã hiệu vật liệu, nhân công, máy thi công có thể bằng chữ hoặc bằng số.

- Trường hợp giá xây dựng công trình được tổng hợp đầy đủ thì bao gồm cả chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước.

**Bảng 3.4. ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHUNG,
THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC**

Đơn vị tính: %

TT	LOẠI CÔNG TRÌNH	CHI PHÍ CHUNG		THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC
		TRÊN CHI PHÍ TRỰC TIẾP	TRÊN CHI PHÍ NHÂN CÔNG	
1	Công trình dân dụng	6,5		5,5
	Riêng công trình tu bổ, phục hồi di tích lịch sử, văn hoá	10,0		
2	Công trình công nghiệp	5,5		6,0
	Riêng công trình xây dựng đường hầm, hầm lò	7,0		
3	Công trình giao thông	5,5		6,0
	Riêng công tác duy tu sửa chữa thường xuyên đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hệ thống báo hiệu hàng hải và đường thủy nội địa		66,0	
	Riêng công trình hầm giao thông	7,0		
4	Công trình thủy lợi	5,5		5,5
	Riêng đào, đắp đất công trình thủy lợi bằng thủ công		51,0	
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	5,0		5,5
6	Công tác lắp đặt thiết bị công nghệ trong các công trình xây dựng, công tác xây lắp đường dây, công tác thí nghiệm hiệu chỉnh điện đường dây và trạm biến áp, công tác thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng		65,0	6,0

Ghi chú:

- Thu nhập chịu thuế tính trước được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp và chi phí chung trong dự toán chi phí xây dựng.

- Đối với công trình xây dựng có nhiều hạng mục công trình thì các hạng mục công trình có công năng riêng biệt được áp dụng định mức tỷ lệ chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước theo loại công trình phù hợp.

- Đối với các công trình xây dựng tại vùng núi, biên giới, hải đảo thì định mức tỷ lệ chi phí chung sẽ được điều chỉnh với hệ số từ 1,05 đến 1,1 do chủ đầu tư quyết định tùy điều kiện cụ thể của công trình.

Bảng 3.5. TỔNG HỢP CHI PHÍ THIẾT BỊ

Ngày tháng năm

Tên công trình:

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN THIẾT BỊ HAY NHÓM THIẾT BỊ	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	CHI PHÍ SAU THUẾ
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Chi phí mua sắm thiết bị			
1.1			
1.2			
2	Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ			
3	Chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh			
	TỔNG CỘNG			G_{TB}

Người tính
Kỹ sư định giá hạng...

(Chữ ký; họ tên)

Người kiểm tra
Kỹ sư định giá hạng

(Chữ ký; họ tên)

Cơ quan lập

PHỤ LỤC SỐ 4

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT XÂY DỰNG*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND**ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KKÝ HIỆU
I	Chi phí trực tiếp		
1	Chi phí vật liệu	VL1 + VL2	VVL
1.1	Chi phí vật liệu theo đơn giá	$\sum_{i=1}^n Q_i \times C_{vi}$	VVL1
1.2	Bù chi phí vật liệu	$\sum_{j=1}^m M_j^{vl} \times (G_j^{vl2} - G_j^{vl1})$	VVL2
2	Chi phí nhân công	$\sum_{i=1}^n Q_i \times C_{ni} \times K^{DC}NCKS$	NNC
3	Chi phí máy thi công	$\sum_{i=1}^n Q_i \times C_{mi}$	MM
	Cộng chi phí trực tiếp	(VL+NC+M)	T
II	Chi phí chung	NC x 70%	P
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	(T+P) x 6%	L
IV	Chi phí lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát	(T+P+L) x 5%	KK1
V	Chi phí chỗ ở tạm thời	(T+P+L) x 5%	KK2
VI	Chi phí chuyển quân, chuyển máy	<i>(Chủ đầu tư quyết định, nếu có)</i>	KK3
VII	Thuế suất thuế giá trị gia tăng	$(T+P+L+K1+K2+K3) \times T^{GTGT-KS}$	GT
VIII	Chi phí dự phòng	$(T+P+L+K1+K2+K3+GT) \times 10\%$	DP
	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT	T+P+L+K1+K2+K3+GT+DP	G_{KS}

Người tính
Kỹ sư định giá hạng...

(Chữ ký; họ tên)

Người kiểm tra
Kỹ sư định giá hạng

(Chữ ký; họ tên)

Cơ quan lập

Trong đó:

- Q_i : Khối lượng của từng loại công việc khảo sát
- C_{vi} , C_{ni} , C_{mi} : Chi phí vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy và thiết bị trực tiếp cho một đơn vị khối lượng công việc khảo sát tương ứng.
- $K^{DC}NCKS$: Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công khảo sát (nếu có).
- M_j^{vl} : Hao phí vật liệu thứ j trong dự toán chi phí khảo sát xây dựng ($j=1 \div m$).
- G_j^{vl1} , G_j^{vl2} : Giá của loại vật liệu thứ j theo đơn giá gốc và giá tại thời điểm lập dự toán.
- $T^{GTGT-XD}$: Mức thuế suất thuế GTGT quy định cho công tác khảo sát xây dựng.

PHỤ LỤC SỐ 5

TỔNG HỢP DỰ TOÁN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND**ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KKÝ HIỆU
I	Chi phí trực tiếp		
1	Chi phí vật liệu	VL1 + VL2	VL
1.1	<i>Chi phí vật liệu theo đơn giá</i>	$\sum_{i=1}^n Q_i \times C_{vi}$	VVL1
1.2	<i>Bù chi phí vật liệu</i>	$\sum_{j=1}^m M_j^{vl} \times (G_j^{vl2} - G_j^{vl1})$	VVL2
2	Chi phí nhân công	$\sum_{i=1}^n Q_i \times C_{ni} \times K^{DC} NC$	NNC
3	Chi phí sử dụng xe máy và thiết bị	$\sum_{i=1}^n Q_i \times C_{mi} \times K^{DC} MTC$	MM
	Cộng chi phí trực tiếp	(VL+NC+M)	T
II	Chi phí quản lý chung	NC x tỷ lệ	P
III	Lợi nhuận định mức	(T+P) x 4,5%	L
	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH	T+P+L	G_{DVCI}

Người tính
Kỹ sư định giá hạng...

Người kiểm tra
Kỹ sư định giá hạng

Cơ quan lập

(Chữ ký; họ tên)

(Chữ ký; họ tên)

Trong đó:

- Q_i : Khối lượng của từng loại công việc dịch vụ công ích
- C_{vi} , C_{ni} , C_{mi} : Chi phí vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng xe máy và thiết bị trực tiếp cho một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích tương ứng.
- $K^{DC}NC$, $K^{DC}MTC$: Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí sử dụng xe máy và thiết bị (nếu có).
- M_j^{vl} : Hao phí vật liệu thứ j trong dự toán dịch vụ công ích ($j=1÷m$).
- G_j^{vl1} , G_j^{vl2} : Giá của loại vật liệu thứ j theo đơn giá gốc và giá tại thời điểm lập dự toán dịch vụ công ích.